

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2022/DS-KDTM**

Ngày: 29/8/2022.

*“Về việc tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST- KDTM, ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXX-KDTM, ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên Nguyên K.

Trụ sở: Khóm Bình Phú Quới, thị trấn Lấp Vò, Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị L, sinh năm 1983.

Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc; địa chỉ số 227A, ấp Bình An, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Lê Thành N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp An Ninh, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2021 – có mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Trần Văn C, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Là chủ hộ kinh doanh “Quách Xưởng”.

- Bà Trương Thị Kim L, sinh năm 1968 (vợ ông C – vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Minh Kiên, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2021 nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên Nguyên K – Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Thành N trình bày:

Thời gian từ tháng 8/2020 đến tháng 7/2021 cửa hàng vật liệu xây dựng “Quách Xưởng” do ông Trần Văn C làm chủ kinh doanh, nhiều lần vợ chồng ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L (gọi tắt là ông C, bà L) đến mua hàng hóa (xi măng) của Công ty TNHH một thành viên Nguyên K (gọi tắt là công ty) do bà Đinh Thị L làm Chủ tịch - Kiêm Giám đốc. Đến ngày 27/7/2021 các bên chốt nợ vợ chồng ông C, bà L còn nợ công ty số tiền 245.000.000đ. Công ty yêu cầu vợ chồng ông C, bà L trả nợ gốc 245.000.000đ, lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 27/7/2021 đến khi Tòa án xét xử.

Từ ngày 17/10/2021 đến ngày 15/12/2021 vợ chồng ông C, bà L có trả cho công ty được số tiền 30.000.000 đồng, hiện vợ chồng ông C, bà L còn nợ công ty tiền gốc là 215.000.000 đồng.

Ngày 15/4/2022 người đại diện theo pháp luật của công ty bà Đinh Thị L có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung vợ chồng ông C, bà L trả cho công ty nợ gốc 30.000.000 đồng; nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông C, bà L trả nợ gốc 215.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 27/7/2021 đến khi xét xử.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/4/2022 bị đơn ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L trình bày: Ông C, bà L thừa nhận lời trình bày của người đại diện nguyên đơn ông N là đúng, đến nay vợ chồng ông C, bà L còn nợ công ty số tiền 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng). Ông N yêu cầu ông C, bà L trả nợ gốc 215.000.000đ, lãi suất 1,66%/tháng, từ ngày 27/7/2021 đến khi Tòa án xét xử. Ông C, bà L đồng ý trả cho Công ty nợ gốc 215.000.000 đồng và đồng ý tính tiền lãi suất từ ngày 27/7/2021 nhưng ông, bà chỉ đồng ý với mức lãi suất 10%/năm, tức là 0,83%/tháng, bởi vì khi các bên giao dịch mua bán hàng hóa không có thỏa thuận về lãi suất. Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 nên việc kinh doanh không thuận lợi, làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông C, bà L xin trả cho nguyên đơn công ty mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bắt đầu trả nợ vào

ngày 12/5/2022.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn ông N yêu cầu vợ chồng ông C, bà L trả một lần dứt nợ gốc là 215.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 27/7/2021 đến khi Tòa án xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nội dung xin rút lại yêu cầu đối với bị đơn đã trả được số tiền 30.000.000 đồng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông C, bà L phải trả cho công ty là 215.000.000 đồng, lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 27/7/2021 đến khi Tòa án xét xử.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Vợ chồng ông C, bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông C, bà L.

[2]. Về thẩm quyền xét xử: Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, giữa pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên Nguyên K (người đại diện ông Lê Thành N) với bị đơn ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Cụ thể, ông N yêu cầu vợ chồng ông C, bà L trả tiền mua xi măng còn thiếu là 215.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 27/7/2021 đến khi Tòa án xét xử.

HĐXX ghi nhận ý kiến của nguyên đơn công ty (người đại diện theo pháp luật bà Đinh Thị L) việc rút lại một phần đơn khởi kiện về nội dung vợ chồng ông C, bà L trả cho công ty số tiền 30.000.000 đồng, để đình chỉ theo quy định điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX nhận thấy: Tại phiên tòa bị đơn vợ chồng ông C, bà L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, các phiên hòa giải ngày 17/02/2022, ngày 12/4/2022, bị đơn ông C, bà L đều thừa nhận thời gian từ năm 2020 đến tháng 7/2021 ông C, bà L có đến mua nợ tiền xi măng của Công ty TNHH một thành viên Nguyên K. Đến ngày 27/7/2021 các bên chốt nợ là vợ chồng ông C, bà L còn nợ công ty số tiền 245.000.000đ, sau đó ông C, bà L trả công ty được số tiền 30.000.000 đồng, hiện còn nợ công ty số tiền 215.000.000 đồng. Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 nên việc kinh doanh không thuận lợi vợ chồng ông C, bà L xin trả cho nguyên đơn mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Xét thấy về tổng số nợ các bên đã thống nhất, thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Hai bên chỉ còn tranh chấp về phương thức trả nợ và lãi suất.

HĐXX cho rằng: Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: “*Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành*”. Do đó, việc vợ chồng ông C, bà L xin trả nợ cho công ty với hình thức mỗi tháng 10.000.000 đồng là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Về lãi suất chậm trả: Đại diện nguyên đơn ông N yêu cầu tính tiền lãi suất nợ quá hạn bình quân của 03 ngân hàng đối với nợ gốc 215.000.000 đồng từ ngày 27/7/2021 đến Tòa án xét xử. Vợ chồng ông C, bà L đồng ý tính lãi suất từ ngày 27/7/2021 nhưng ông, bà chỉ đồng ý với mức lãi suất 10%/năm, tức là 0,83%/tháng. Theo thông báo về mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng gồm: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện U Minh Thượng, ngân hàng TMCP Kiên Long – Phòng giao dịch Vĩnh Thuận và ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Kiên Giang – Phòng giao dịch huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng là 15,3%/năm, tức là 1,27%/tháng.

Lãi suất nợ quá hạn bình quân của 03 ngân hàng đối với nợ gốc 215.000.000

đồng, tính từ ngày 27/7/2021 đến khi Tòa án xét xử ngày 29/8/2022, là 13 tháng 02 ngày: $215.000.000đ \times 1,27\%/tháng \times 13 \text{ tháng} \times 02 \text{ ngày} = 35.678.500 \text{ đồng}$.

Như vậy, vợ chồng ông C, bà L trả cho công ty là 250.678.500 đồng (trong đó nợ gốc 215.000.000 đồng và nợ lãi là 35.678.500 đồng).

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[5]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của phía nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông C, bà L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền $250.678.500đ \times 5\% = 12.533.000 \text{ đồng}$.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nguyên K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.125.000 đồng (sáu triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003084 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 306; Điều 319 Luật Thương mại năm 2005; các Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết nội dung khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nguyên K (người đại diện theo pháp luật bà Đinh Thị L) về việc bị đơn ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L trả được nợ gốc số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nguyên K (người đại diện theo pháp luật bà Đinh Thị L) đối với bị đơn ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

3. Buộc vợ chồng ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nguyên K (người đại diện theo pháp luật bà Đinh Thị L) số tiền 250.678.500đ (hai trăm năm mươi triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm đồng). Trong đó nợ gốc 215.000.000 đồng và nợ lãi 35.678.500 đồng.

Các bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án

dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Vợ chồng ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 12.533.000 đồng (mười hai triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nguyên K được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 6.125.000 đồng (sáu triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003084 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng